

Số: 3972 /QĐ-ĐHNL

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 8 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành chương trình đào tạo đại học hệ vừa làm vừa học,
theo hệ thống tín chỉ**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Giáo dục Đại học ngày 18/06/2012; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Giáo dục Đại học ngày 19/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 06/2017/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 3 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy chế đào tạo vừa làm vừa học trình độ đại học;

Căn cứ Quyết định số 118/2000/QĐ-TTg ngày 10 tháng 10 năm 2000 của Thủ tướng chính phủ về việc thay đổi tổ chức của Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị quyết số 07/NQ-ĐHNL-HĐT ngày 11 tháng 11 năm 2020 của Chủ tịch Hội đồng trường về việc ban hành quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Nông Lâm Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Thông tư 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học;

Căn cứ Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định 4100/QĐ-ĐHNL-ĐT ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nông Lâm Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy chế đào tạo áp dụng cho bậc Đại học đào tạo theo hệ thống tín chỉ;

Theo đề nghị của Trưởng Khoa Chăn nuôi thú y, Trưởng Khoa Nông học và Trưởng Phòng Quản lý đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Ban hành chương trình đào tạo đại học hệ vừa làm vừa học theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Nông Lâm Thành phố Hồ Chí Minh cho ngành: Nông học (mã ngành: 7620109) và Thú y (mã ngành: 7640101).

(Danh sách chương trình đào tạo đính kèm)

Điều 2: Chương trình đào tạo áp dụng từ khóa tuyển sinh 2025.

Điều 3: Ban Giám hiệu, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan và sinh viên chịu trách nhiệm thi hành quyết định này *đl*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, QLĐT.

HIỆU TRƯỞNG *nh*



PGS.TS. Nguyễn Tất Toàn



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM

KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO 2025

(Ban hành theo Quyết định số: 3972 /QĐ-ĐHNL ngày 29 tháng 8 năm 2025 của Hiệu trưởng)

Bậc hệ: Đại học Vừa làm vừa học

Khoa đào tạo: Nông học

Tổng số tín chỉ tích lũy tối thiểu: 150

Điểm trung bình tích lũy tối thiểu: 2.0

Ngành: Nông học

Mã ngành: 7620109

Ngôn ngữ đào tạo: Tiếng Việt

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	TS	LT	TH	TT	DA	LA	Năm	Học kỳ	Học trước	Tiêu quyết	Song hành
1. Khối kiến thức cơ bản														
Nhóm học phần bắt buộc														
1	200101	Triết học Mác Lênin	3	45	45	0	0	0	0	1	1			
2	202622	Pháp luật đại cương	2	30	30	0	0	0	0	1	1			
3	213603	Anh văn 1*	4	60	60	0	0	0	0	1	1			
4	214103	Tin học đại cương*	3	60	30	30	0	0	0	1	1			
5	200102	Kinh tế chính trị Mác- Lênin	2	30	30	0	0	0	0	1	2	200101		
6	202121	Xác suất thống kê	3	45	45	0	0	0	0	1	2			
7	208104	Kinh tế nông nghiệp đại cương	2	30	30	0	0	0	0	1	2			
8	213604	Anh văn 2*	3	45	45	0	0	0	0	1	2	213603		
9	200103	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30	30	0	0	0	0	2	1	200102		
10	200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	30	0	0	0	0	2	2	200103		
11	200105	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	30	30	0	0	0	0	3	1	200107		
Cộng			28	435	405	30	0	0	0					
Nhóm học phần bắt buộc tự chọn 0101 - Phải đạt tối thiểu : 2 TC														
1	202620	Kỹ năng giao tiếp	2	30	30	0	0	0	0	1	2			
2	202621	Xã hội học đại cương	2	30	30	0	0	0	0	1	2			
3	204934	Khởi nghiệp trong sản xuất cây trồng	2	30	30	0	0	0	0	1	2			
Cộng			6	90	90	0	0	0	0					





BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM

KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO 2025

(Ban hành theo Quyết định số: 3932/QĐ-ĐHNL ngày 29 tháng 8 năm 2025 của Hiệu trưởng)

Bậc hệ: Đại học Vừa làm vừa học

Khoa đào tạo: Nông học

Tổng số tín chỉ tích lũy tối thiểu: 150

Điểm trung bình tích lũy tối thiểu: 2.0

Ngành: Nông học

Mã ngành: 7620109

Ngôn ngữ đào tạo: Tiếng Việt

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	TS	LT	TH	TT	DA	LA	Năm	Học kỳ	Học trước	Tiên quyết	Song hành
Nhóm học phần bắt buộc tự chọn 0102 - Phải đạt tối thiểu : 2 TC														
1	208414	Quản trị trang trại	2	30	30	0	0	0	0	2	1	208104		
2	208445	Marketing nông nghiệp	2	30	30	0	0	0	0	2	1	208104		
3	208531	Xây dựng và quản lý dự án	2	30	30	0	0	0	0	2	1	208104		
<i>Cộng</i>			6	90	90	0	0	0	0					
2. Khối kiến thức cơ sở ngành														
Nhóm học phần bắt buộc														
1	204534	Nông học đại cương	2	30	30	0	0	0	0	1	1			
2	204620	Phương pháp tiếp cận khoa học	2	30	30	0	0	0	0	1	1			
3	204113	Sinh hóa thực vật	3	60	30	30	0	0	0	1	2			
4	204103	Sinh lý thực vật (A)	3	60	30	30	0	0	0	2	1	204113		
5	204216	Di truyền thực vật	3	60	30	30	0	0	0	2	1	204113		
6	204303	Khoa học đất cơ bản (A)	3	60	30	30	0	0	0	2	1	204534		
7	204121	Vì sinh vật nông nghiệp	2	45	15	30	0	0	0	2	2	204303		
8	204122	Sinh trưởng, phát triển và tính chống chịu của thực vật	2	30	30	0	0	0	0	2	2	204103		
9	204301	Độ phì và phân bón	3	60	30	30	0	0	0	2	2	204303		
10	204615	Khí tượng nông nghiệp	2	30	30	0	0	0	0	2	2	204534		
11	204317	Đánh giá và sử dụng đất	2	30	30	0	0	0	0	3	1	204303		
12	204616	Phương pháp thí nghiệm	3	60	30	30	0	0	0	3	1	202121		
<i>Cộng</i>			30	555	345	210	0	0	0					



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM

KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO 2025

(Ban hành theo Quyết định số: **3972**/QĐ-ĐHNL ngày **29** tháng **8** năm 2025 của Hiệu trưởng)

Bậc hệ: Đại học Vừa làm vừa học

Khoa đào tạo: Nông học

Tổng số tín chỉ tích lũy tối thiểu: 150

Điểm trung bình tích lũy tối thiểu: 2.0

Ngành: Nông học

Mã ngành: 7620109

Ngôn ngữ đào tạo: Tiếng Việt

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	TS	LT	TH	TT	ĐA	LA	Năm	Học kỳ	Học trước	Tiêu quyết	Song hành
Nhóm học phần bắt buộc tự chọn 0201 - Phải đạt tối thiểu : 2 TC														
1	204116	Hệ thống thực vật	2	30	30	0	0	0	0	2	1	204534		
2	204118	Sinh thái nông nghiệp	2	30	30	0	0	0	0	2	1	204534		
3	204223	Đa dạng sinh học thực vật	2	30	30	0	0	0	0	2	1	204534		
Cộng			6	90	90	0	0	0	0					
Nhóm học phần bắt buộc tự chọn 0202 - Phải đạt tối thiểu : 2 TC														
1	204123	Sinh học phân tử trong sản xuất cây trồng	2	45	15	30	0	0	0	3	2	204216		
2	204224	Công nghệ sinh học trong sản xuất cây trồng	2	30	30	0	0	0	0	3	2	204216		
Cộng			4	75	45	30	0	0	0					
3. Khối kiến thức chuyên ngành														
Nhóm học phần bắt buộc														
1	204436	Thực tập cơ sở 1	1	45	0	0	45	0	0	1	2			
2	204539	Rèn nghề	1	45	0	30	0	0	0	2	1	204436		
3	204425	Thực tập cơ sở 2	2	90	0	0	90	0	0	2	2	204436		
4	204931	Anh văn chuyên ngành nông nghiệp	3	45	45	0	0	0	0	2	2			
5	204217	Chọn giống cây trồng (A)	3	60	30	30	0	0	0	3	1	204216		
6	204625	Quản lý nước trong sản xuất cây trồng	3	60	30	30	0	0	0	3	1	204301		
7	204753	Cỏ đại và quản lý cỏ dại	3	60	30	30	0	0	0	3	1			
8	204213	Công nghệ nhân giống	3	60	30	30	0	0	0	3	2	204217		



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM

KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO 2025

(Ban hành theo Quyết định số: **3972**/QĐ-ĐHNL ngày **29** tháng **8** năm 2025 của Hiệu trưởng)

Bậc hệ: Đại học Vừa làm vừa học

Khoa đào tạo: Nông học

Tổng số tín chỉ tích lũy tối thiểu: 150

Điểm trung bình tích lũy tối thiểu: 2.0

Ngành: Nông học

Mã ngành: 7620109

Ngôn ngữ đào tạo: Tiếng Việt

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	TS	LT	TH	TT	DA	LA	Năm	Học kỳ	Học trước	Tiên quyết	Song hành
9	204734	Bệnh cây	3	60	30	30	0	0	0	3	2	204121		
10	204735	Côn trùng	3	60	30	30	0	0	0	3	2	204121		
11	204423	Khuyến nông	2	30	30	0	0	0	0	4	1			
12	204427	Cây lương thực	3	60	30	30	0	0	0	4	1	204301		
13	204754	Thuốc Bảo vệ thực vật	3	60	30	30	0	0	0	4	1	204539		
14	204411	Cây rau	3	60	30	30	0	0	0	4	2	204301		
15	204416	Hoa và cây kiểng	3	60	30	30	0	0	0	4	2	204301		
16	204428	Cây ăn quả	3	60	30	30	0	0	0	4	2	204301		
17	204544	Thực tập giáo trình 1	1	45	0	0	45	0	0	4	2	204301		
18	204532	Cây công nghiệp dài ngày	3	60	30	30	0	0	0	5	1	204301		
19	204542	Cây công nghiệp ngắn ngày	3	60	30	30	0	0	0	5	1	204301		
20	204545	Thực tập giáo trình 2	1	45	0	0	45	0	0	5	1	204544		
21	204926	Khóa luận tốt nghiệp (A)	12	180	0	0	0	0	180	5	2			
Cộng			62	1305	465	420	225	0	180					
Nhóm học phần bắt buộc tự chọn 0301 - Phải đạt tối thiểu : 2 TC														
1	204220	Chọn giống chuyên khoa	2	45	15	30	0	0	0	3	2	204217		
2	204221	Nuôi cấy mô thực vật	2	45	15	30	0	0	0	3	2	204216		
3	204222	Quỹ gen và bảo tồn quỹ gen	2	30	30	0	0	0	0	3	2	204216		
Cộng			6	120	60	60	0	0	0					
Nhóm học phần bắt buộc tự chọn 0302 - Phải đạt tối thiểu : 2 TC														
1	204321	Suy thoái đất và biện pháp cải thiện	2	30	30	0	0	0	0	3	2	204301		



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM

KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO 2025

(Ban hành theo Quyết định số: **3972**/QĐ-ĐHNL ngày **29** tháng **8** năm 2025 của Hiệu trưởng)

Bậc hệ: Đại học Vừa làm vừa học

Khoa đào tạo: Nông học

Tổng số tín chỉ tích lũy tối thiểu: 150

Điểm trung bình tích lũy tối thiểu: 2.0

Ngành: Nông học

Mã ngành: 7620109

Ngôn ngữ đào tạo: Tiếng Việt

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	TS	LT	TH	TT	DA	LA	Năm	Học kỳ	Học trước	Tiêu quyết	Song hành
2	204438	Đồng cỏ và thức ăn gia súc	2	30	30	0	0	0	0	3	2	204301		
3	204738	Bảo vệ môi trường nông nghiệp	2	30	30	0	0	0	0	3	2	204301		
<i>Cộng</i>			6	90	90	0	0	0	0					
Nhóm học phần bắt buộc tự chọn 0303 - Phải đạt tối thiểu : 2 TC														
1	204319	Nguyên lý canh tác không đất	2	30	30	0	0	0	0	4	1	204625		
2	204432	Kỹ thuật Vận hành và Quản lý nhà màng	2	45	15	30	0	0	0	4	1	204625		
3	204622	Hệ thống tưới nước - phân trong nhà màng	2	45	15	30	0	0	0	4	1	204625		
<i>Cộng</i>			6	120	60	60	0	0	0					
Nhóm học phần bắt buộc tự chọn 0304 - Phải đạt tối thiểu : 2 TC														
1	204629	Ứng dụng GIS trong sản xuất cây trồng	2	45	15	30	0	0	0	4	1	204625		
2	204630	Ứng dụng IoT trong sản xuất cây trồng	2	45	15	30	0	0	0	4	1	204625		
3	204631	Tài nguyên nước và biến đổi khí hậu trong sản xuất cây trồng	2	30	30	0	0	0	0	4	1	204625		
<i>Cộng</i>			6	120	60	60	0	0	0					
Nhóm học phần bắt buộc tự chọn 0305 - Phải đạt tối thiểu : 2 TC														
1	204311	GAP và nông nghiệp hữu cơ	2	30	30	0	0	0	0	4	1	204301		
2	204502	Hệ thống canh tác	2	30	30	0	0	0	0	4	1	204301		
3	204549	Hệ thống nông lâm kết hợp	2	30	30	0	0	0	0	4	1	204301		
<i>Cộng</i>			6	90	90	0	0	0	0					



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM

KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO 2025

(Ban hành theo Quyết định số: **3972/QĐ-ĐHNL** ngày **29** tháng **8** năm 2025 của Hiệu trưởng)

Bậc hệ: Đại học Vừa làm vừa học

Khoa đào tạo: Nông học

Tổng số tín chỉ tích lũy tối thiểu: 150

Điểm trung bình tích lũy tối thiểu: 2.0

Ngành: Nông học

Mã ngành: 7620109

Ngôn ngữ đào tạo: Tiếng Việt

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	TS	LT	TH	TT	DA	LA	Năm	Học kỳ	Học trước	Tiên quyết	Song hành
Nhóm học phần bắt buộc tự chọn 0306 - Phải đạt tối thiểu : 2 TC														
1	204551	Nông nghiệp bền vững	2	30	30	0	0	0	0	4	2	204754		
2	204760	Quản lý dịch hại tổng hợp	2	30	30	0	0	0	0	4	2	204754		
3	210303	Bảo quản sau thu hoạch	2	30	30	0	0	0	0	4	2	204754		
Cộng			6	90	90	0	0	0	0					
Nhóm học phần bắt buộc tự chọn 0307 - Phải đạt tối thiểu : 3 TC														
1	204225	Báo cáo chuyên đề về Giống cây trồng	1	45	0	0	45	0	0	4	2	204217		
2	204318	Báo cáo chuyên đề về Dinh dưỡng trong Sản xuất cây trồng	1	45	0	0	45	0	0	4	2	204301		
3	204439	Báo cáo chuyên đề về ứng dụng công nghệ cao trong SXCT	1	45	0	0	45	0	0	4	2	204625		
4	204626	Báo cáo chuyên đề kỹ năng mềm	1	45	0	0	45	0	0	4	2			
5	204763	Báo cáo chuyên đề bảo vệ thực vật	1	45	0	0	45	0	0	4	2	204734		
Cộng			5	225	0	0	225	0	0					
Nhóm học phần bắt buộc tự chọn 0308 - Phải đạt tối thiểu : 3 TC														
1	204426	Sản xuất nấm ăn và dược liệu	3	60	30	30	0	0	0	5	1	204121		
2	204437	Kỹ thuật hoa viên	3	45	30	30	0	0	0	5	1	204301		
3	204541	Cây dược liệu	3	60	30	30	0	0	0	5	1	204301		
Cộng			9	165	90	90	0	0	0					



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM

KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO 2025

(Ban hành theo Quyết định số: **3972**/QĐ-ĐHNL ngày **29** tháng **8** năm 2025 của Hiệu trưởng)

Bậc hệ: Đại học Vừa làm vừa học

Khoa đào tạo: Nông học

Tổng số tín chỉ tích lũy tối thiểu: 150

Điểm trung bình tích lũy tối thiểu: 2.0

Ngành: Nông học

Mã ngành: 7620109

Ngôn ngữ đào tạo: Tiếng Việt

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	TS	LT	TH	TT	DA	LA	Năm	Học kỳ	Học trước	Tiên quyết	Song hành
Nhóm học phần bắt buộc tự chọn 0309 - Phải đạt tối thiểu : 4 TC														
1	204124	Chuyên đề Sinh lý thực vật ứng dụng trong sản xuất cây trồng	2	60	15	0	0	45	0	5	1	204103		
2	204219	Chuyên đề Giống trong sản xuất cây trồng bền vững thích ứng biến đổi khí hậu	2	60	15	0	0	45	0	5	1	204217		
3	204316	Chuyên đề Dinh dưỡng trong sản xuất cây trồng bền vững thích ứng biến đổi khí hậu	2	60	15	0	0	45	0	5	1	204301		
4	204553	Chuyên đề sản xuất cây trồng bền vững thích ứng biến đổi khí hậu	2	60	15	0	0	45	0	5	1	204625		
5	204774	Chuyên đề Bảo vệ thực vật trong SXCT an toàn và bền vững	2	60	15	0	0	45	0	5	1	204754		
Cộng			10	300	75	0	0	225	0					

Tổng Số Tín Chỉ Bắt Buộc: 120

Tổng Số Tín Chỉ Các Nhóm Tự Chọn: 30

Nhóm tốt nghiệp sẽ có 1 hình thức lựa chọn:

1. Khóa luận tốt nghiệp (12 TC)

(*) Học phần điều kiện, bắt buộc sinh viên phải đạt nhưng không tham gia vào điểm trung bình chung tích lũy

(A) Học phần cốt lõi, bắt buộc sinh viên phải đạt từ điểm C trở lên (tương đương từ điểm 2 hệ 4 hoặc 5,5 trở lên theo thang điểm 10)

Lưu ý: Ngoài số 150 tín chỉ đạt nêu trên, sinh viên phải đạt chuẩn đầu ra Ngoại ngữ và Tin học theo quy định của Nhà Trường

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **29** tháng **8** năm 2025

Trưởng khoa

Trưởng Phòng Quản lý đào tạo

TS. Võ Thái Dân

TS. Nguyễn Duy Năng



PGS.TS. Nguyễn Tất Toàn



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM

KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO 2025

(Ban hành theo Quyết định số: 3972 /QĐ-ĐHNL ngày 29 tháng 8 năm 2025 của Hiệu trưởng)

Bậc hệ: Đại học Vừa làm vừa học
Khoa đào tạo: Chăn nuôi Thú y
Tổng số tín chỉ tích lũy tối thiểu: 159
Điểm trung bình tích lũy tối thiểu: 2.0

Ngành: Thú y
Mã ngành: 7640101
Chuyên ngành: Bác sĩ Thú y
Ngôn ngữ đào tạo: Tiếng Việt

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	TS	LT	TH	TT	DA	LA	Năm	Học kỳ	Học trước	Tiêu quyết	Song hành
1. Khối kiến thức cơ bản														
Nhóm học phần bắt buộc														
1	200101	Triết học Mác Lênin	3	45	45	0	0	0	0	1	1			
2	202301	Hóa học đại cương	3	45	45	0	0	0	0	1	1			
3	202622	Pháp luật đại cương	2	30	30	0	0	0	0	1	1			
4	214103	Tin học đại cương*	3	60	30	30	0	0	0	1	1			
5	200102	Kinh tế chính trị Mác- Lênin	2	30	30	0	0	0	0	1	2	200101		
6	202408	Sinh học động vật (A)	3	60	30	30	0	0	0	1	2			
7	213603	Anh văn 1*	4	60	60	0	0	0	0	1	2			
8	200103	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30	30	0	0	0	0	2	1	200102		
9	203500	Thống kê trong CNTY	3	45	45	0	0	0	0	2	1			
10	213604	Anh văn 2*	3	45	45	0	0	0	0	2	1	213603		
11	200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh (A)	2	30	30	0	0	0	0	2	2	200103		
12	200105	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	30	30	0	0	0	0	3	1	200107		
Cộng			32	510	450	60	0	0	0					
Nhóm học phần bắt buộc tự chọn 0101 - Phải đạt tối thiểu : 2 TC														
1	202302	Hoá phân tích	2	30	30	0	0	0	0	2	2			
2	202304	Thí nghiệm Hóa ĐC	1	30	0	30	0	0	0	2	2			
3	202620	Kỹ năng giao tiếp	2	30	30	0	0	0	0	2	2			
4	203962	Khởi nghiệp	2	30	30	0	0	0	0	2	2			



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM

KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO 2025

(Ban hành theo Quyết định số: 3972/QĐ-ĐHNL ngày 29 tháng 8 năm 2025 của Hiệu trưởng)

Bậc hệ: Đại học Vừa làm vừa học
Khoa đào tạo: Chăn nuôi Thú y
Tổng số tín chỉ tích lũy tối thiểu: 159
Điểm trung bình tích lũy tối thiểu: 2.0

Ngành: Thú y
Mã ngành: 7640101
Chuyên ngành: Bác sĩ Thú y
Ngôn ngữ đào tạo: Tiếng Việt

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	TS	LT	TH	TT	DA	LA	Năm	Học kỳ	Học trước	Tiêu quyết	Song hành
Cộng			7	120	90	30	0	0	0					
2. Khối kiến thức cơ sở ngành														
Nhóm học phần bắt buộc														
1	203308	Nhập môn Thú Y (A)	2	45	15	30	0	0	0	1	1			
2	203109	Sinh hóa đại cương	2	30	30	0	0	0	0	1	2			
3	203100	Sinh hóa biển dưỡng	3	60	30	30	0	0	0	2	1	203109		
4	203203	Di truyền học đại cương	3	60	30	30	0	0	0	2	1			
5	203103	Sinh lý 1	3	60	30	30	0	0	0	2	2	203109 203211		
6	203211	Cơ thể 1	3	60	30	30	0	0	0	2	2	202408		
7	203508	Mô học	2	45	15	30	0	0	0	2	2			
8	203106	Sinh lý 2 (A)	3	45	45	0	0	0	0	3	1	203103		
9	203212	Cơ thể 2	2	45	15	30	0	0	0	3	1	203211		
10	203516	Vì sinh học đại cương	3	60	30	30	0	0	0	3	1			
11	203703	Chăn nuôi đại cương	2	30	30	0	0	0	0	3	1			
12	203912	Ảnh văn chuyên ngành (A)	3	45	45	0	0	0	0	3	1			
13	203221	Dược lý Thú y (A)	4	75	45	30	0	0	0	3	2			
14	203507	Miễn dịch	3	60	30	30	0	0	0	3	2	203516		
15	203515	Vì sinh thú y	3	45	30	15	0	0	0	3	2	203516		
16	203915	Phương pháp nghiên cứu KH (A)	2	30	30	0	0	0	0	3	2	203500		
17	211102	Sinh học phân tử	2	30	30	0	0	0	0	3	2	203203		



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM

KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO 2025

(Ban hành theo Quyết định số: 3972/QĐ-ĐHNL ngày 29 tháng 8 năm 2025 của Hiệu trưởng)

Bậc hệ: Đại học Vừa làm vừa học
Khoa đào tạo: Chăn nuôi Thú y
Tổng số tín chỉ tích lũy tối thiểu: 159
Điểm trung bình tích lũy tối thiểu: 2.0

Ngành: Thú y
Mã ngành: 7640101
Chuyên ngành: Bác sĩ Thú y
Ngôn ngữ đào tạo: Tiếng Việt

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	TS	LT	TH	TT	DA	LA	Năm	Học kỳ	Học trước	Tiêu quyết	Song hành
18	203465	Dinh dưỡng động vật	3	45	45	0	0	0	0	4	1	203109		
Cộng			48	870	555	315	0	0	0					
Nhóm học phần bắt buộc tự chọn 0201 - Phải đạt tối thiểu : 2 TC														
1	203158	Kỹ năng báo cáo chuyên đề	2	30	30	0	0	0	0	4	1			
2	203264	Quản lý nguy cơ sinh học PTN	2	45	15	30	0	0	0	4	1			
Cộng			4	75	45	30	0	0	0					
3. Khối kiến thức chuyên ngành														
Nhóm học phần bắt buộc														
1	203117	Sinh lý bệnh Thú y	3	45	45	0	0	0	0	4	1	203106 203109		
2	203201	Ngoại khoa 1 (A)	2	30	30	0	0	0	0	4	1	203212		
3	203313	Môi trường & SK vật nuôi	2	30	30	0	0	0	0	4	1	203106 203516		
4	203504	Giải phẫu bệnh 1	2	30	30	0	0	0	0	4	1	203508 203103		
5	203113	Tập tính và phúc lợi động vật	2	30	30	0	0	0	0	4	2	203106		
6	203202	Ngoại khoa 2	2	45	15	30	0	0	0	4	2	203201		
7	203317	Bệnh truyền nhiễm thú nhai lại	2	30	30	0	0	0	0	4	2	203507 203503		
8	203503	Dịch tễ học (A)	2	30	30	0	0	0	0	4	2	203500 203515		
9	203517	Phương pháp bố trí thí nghiệm (A)	3	60	30	30	0	0	0	4	2	203500		
10	203525	Giải phẫu bệnh 2	2	45	15	30	0	0	0	4	2	203504		



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM

KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO 2025

(Ban hành theo Quyết định số: 3972/QĐ-ĐHNL ngày 29 tháng 8 năm 2025 của Hiệu trưởng)

Bậc hệ: Đại học Vừa làm vừa học
Khoa đào tạo: Chăn nuôi Thú y
Tổng số tín chỉ tích lũy tối thiểu: 159
Điểm trung bình tích lũy tối thiểu: 2.0

Ngành: Thú y
Mã ngành: 7640101
Chuyên ngành: Bác sĩ Thú y
Ngôn ngữ đào tạo: Tiếng Việt

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	TS	LT	TH	TT	ĐA	LA	Năm	Học kỳ	Học trước	Tiêu quyết	Song hành
11	203403	Nội khoa 1 (A)	3	60	30	30	0	0	0	5	1	203117		
12	203410	Sản khoa	3	45	30	15	0	0	0	5	1	203106		
13	203505	Ký sinh trùng 1	2	30	30	0	0	0	0	5	1	203221 203507		
14	203916	Bệnh chó mèo	2	45	15	30	0	0	0	5	1			203403
15	203263	Thực tập bệnh viện thú y (A)	2	90	0	0	90	0	0	5	2			
16	203306	Bệnh truyền lây giữa Đv & người	2	30	30	0	0	0	0	5	2	203507 203503		
17	203314	Kiểm nghiệm thú sản (A)	4	75	45	30	0	0	0	5	2	203515		
18	203402	Nội khoa 2	2	30	30	0	0	0	0	5	2	203403		
19	203524	Ký sinh trùng 2	2	45	15	30	0	0	0	5	2	203505		
20	203363	Bệnh truyền nhiễm gia cầm	2	30	30	0	0	0	0	6	1	203503 203507		
21	203365	Thực hành bệnh truyền nhiễm (A)	1	30	0	30	0	0	0	6	1	203507 203503		
22	203406	Độc chất học thú y	2	30	30	0	0	0	0	6	1	203221 203117		
23	203519	Bệnh truyền nhiễm heo	2	30	30	0	0	0	0	6	1	203503		
24	203522	Luật thú y (A)	2	30	30	0	0	0	0	6	1	203503 203306		
Cộng			53	975	630	255	90	0	0					
Nhóm học phần bắt buộc tự chọn 0301 - Phải đạt tối thiểu : 4 TC														
1	203210	Truyền tinh truyền phôi	3	60	30	30	0	0	0	5	1	203106		
2	203304	Bảo quản chế biến súc sản	2	30	30	0	0	0	0	5	1	203100		



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM

KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO 2025

(Ban hành theo Quyết định số: **3972**/QĐ-ĐHNL ngày **29** tháng **8** năm 2025 của Hiệu trưởng)

Bậc hệ: Đại học Vừa làm vừa học

Khoa đào tạo: Chăn nuôi Thú y

Tổng số tín chỉ tích lũy tối thiểu: 159

Điểm trung bình tích lũy tối thiểu: 2.0

Ngành: Thú y

Mã ngành: 7640101

Chuyên ngành: Bác sĩ Thú y

Ngôn ngữ đào tạo: Tiếng Việt

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	TS	LT	TH	TT	DA	LA	Năm	Học kỳ	Học trước	Tiêu quyết	Song hành
3	203311	Kỹ thuật xử lý chất thải	2	30	30	0	0	0	0	5	1			
4	203316	Một sức khỏe	3	75	15	60	0	0	0	5	1			
<i>Cộng</i>			10	195	105	90	0	0	0					
Nhóm học phần bắt buộc tự chọn 0302 - Phải đạt tối thiểu : 2 TC														
1	203108	Công nghệ SH ứng dụng trong TY	2	30	30	0	0	0	0	5	2	203100		
2	203408	Chẩn đoán hình ảnh	2	45	15	30	0	0	0	5	2	203212		
<i>Cộng</i>			4	75	45	30	0	0	0					
Nhóm học phần bắt buộc tự chọn 0303 - Phải đạt tối thiểu : 4 TC														
1	203116	Dược lâm sàng thú y	4	75	45	30	0	0	0	6	1	203221		
2	203418	Dược liệu	4	75	45	30	0	0	0	6	1	202302		
3	203420	Chẩn đoán phòng thí nghiệm	2	45	15	30	0	0	0	6	1	203100 203106		
4	203616	Thú hoang dã	2	30	30	0	0	0	0	6	1			
<i>Cộng</i>			12	225	135	90	0	0	0					
Nhóm học phần bắt buộc tự chọn 0304 - Phải đạt tối thiểu : 12 TC														
1	203110	Chăn nuôi thích ứng biến đổi khí hậu	2	30	30	0	0	0	0	6	2			
2	203122	Thực tập lâm sàng	2	30	30	0	0	0	0	6	2			
3	203315	An toàn sinh học trong chăn nuôi	2	30	30	0	0	0	0	6	2			
4	203910	Khóa luận tốt nghiệp	12	180	0	0	0	0	180	6	2			
5	203911	Tiểu luận tốt nghiệp TY-DY	6	90	0	0	0	90	0	6	2			
<i>Cộng</i>			24	360	90	0	0	90	180					



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM

KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO 2025

(Ban hành theo Quyết định số: 3972/QĐ-ĐHNL ngày 29 tháng 8 năm 2025 của Hiệu trưởng)

Bậc hệ: Đại học Vừa làm vừa học
Khoa đào tạo: Chăn nuôi Thú y
Tổng số tín chỉ tích lũy tối thiểu: 159
Điểm trung bình tích lũy tối thiểu: 2.0

Ngành: Thú y
Mã ngành: 7640101
Chuyên ngành: Bác sĩ Thú y
Ngôn ngữ đào tạo: Tiếng Việt

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	TS	LT	TH	TT	DA	LA	Năm	Học kỳ	Học trước	Tiên quyết	Song hành
-----	-------------	--------------	-------	----	----	----	----	----	----	-----	--------	-----------	------------	-----------

Tổng Số Tín Chỉ Bắt Buộc: 133

Tổng Số Tín Chỉ Các Nhóm Tự Chọn: 26

Nhóm tốt nghiệp sẽ có 2 hình thức lựa chọn:

1. Khóa luận tốt nghiệp (12 TC)
2. Tiểu luận tốt nghiệp (6 TC) + phải đạt thêm tối thiểu 6 TC trong nhóm tự chọn chuyên ngành 0304

(*) Học phần điều kiện, bắt buộc sinh viên phải đạt nhưng không tham gia vào điểm trung bình chung tích lũy

(A) Học phần cốt lõi (Assessed), những học phần có chữ (A) sinh viên phải đạt 5.5 điểm trở lên mới được tính điểm tích lũy.

Lưu ý: Ngoài số 159 tín chỉ đạt nêu trên, sinh viên phải đạt chuẩn đầu ra Ngoại ngữ và Tin học theo quy định của Nhà Trường

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 8 năm 2025



Hiệu trưởng
PGS.TS. Nguyễn Tất Toàn

Trưởng Phòng Quản lý đào tạo
TS. Võ Thái Dân

Trưởng Khoa
PGS.TS. Lê Quang Thông